

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đ Th D, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Khu dân cư 16, tổ dân phố 6, thị trấn T X, huyện T B, tỉnh Q Ng.

Bị đơn: Bà T Th Th, sinh năm : 1973

Địa chỉ: Khu dân cư 16, tổ dân phố 6, thị trấn T X, huyện T B, tỉnh Q Ng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đ Th H C, sinh năm 1993

- Anh Đ Th Qu, sinh năm 1999

Đều trú tại địa chỉ: Khu dân cư 16, tổ dân phố 6, thị trấn T X, huyện T B, tỉnh Q Ng.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Trà Bông (Agribank) – Ông P Th H Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh - Chi nhánh Agribank Trà Bông.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Đ Th D và bà T Th Th tự nguyện ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đ Th D và bà Tr Th Th tự nguyện ly hôn.
- Về con chung: có 02 con chung (đã trưởng thành).
- Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Đ Th D rút phần yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung khi ly hôn” là tự nguyện, Bị đơn bà T T Th không có đơn phản tố, Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
- Án phí dân sự sơ thẩm: 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Danh tự nguyện chịu.

Ông Đ Th D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.950.000 đ (bằng chữ: Chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) ông D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/ 2016/ 0002811 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, ông D được hoàn lại số tiền chênh lệch là 9.800.000 đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND thị trấn TX,,huyện Tr B (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (để thi hành) ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Công Diễn